

BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 2019
Lớp CĐT 1 K10 Mã lớp học 26,916 Lý thuyết

Môn học: CMH20 Máy cắt kim loại

Giáo viên: TS. Đinh Hằng Bô

Số đơn vị học trình: 2

Ngày thi 30/12/2019

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
1	CD180287	Bùi Trọng An	12/08/2000	5,0	01	An	
2	CD180324	Ngô Tiến Anh	10/01/2000	3,0	01	Anh	
3	CD180185	Nguyễn Thế Anh	22/09/2000	6,0	01	Anh	
4	CD180097	Phí Đình Cấn	10/01/1999	5,5	01	Cấn	
5	CD180042	Hoàng Thanh Chiến	19/09/1995	5,0	01	Chiến	
6	CD180145	Dương Quốc Chính	10/03/1997	3,0	01	Ch	
7	CD181561	Nguyễn Thành Công	01/07/2000	Không được thi do không hoàn thành học phí			Học lại
8	CD180172	Phan Chí Dân	25/12/2000	4,0	01	Dân	
9	CD181451	Bùi Hồng Đạt	07/11/2000	6,5	01	Đạt	
10	CD180084	Nguyễn Tiến Đạt	04/09/1998	Không được thi do không hoàn thành học phí			
11	CD180113	Phùng Quốc Đạt	30/11/1999	5,5	01	Đạt	
12	CD180132	Nguyễn Văn Dũng	22/10/1996	5,0	01	Dũng	
13	CD180508	Trần Lâm Dũng	14/09/2000	Không được thi do không hoàn thành học phí			Học lại
14	CD180306	Nguyễn Thành Duy	02/10/2000	4,0	01	Duy	
15	CD180539	Nguyễn Văn Duy	13/03/2000	5,0	01	Duy	
16	CD180059	Đặng Trần Hải	02/10/1997	3,0	01	Hải	
17	CD180231	Nguyễn Ngọc Hải	05/10/2000	5,0	01	Hải	
18	CD180124	Nguyễn Bá Hào	24/11/1999	5,0	01	Hào	
19	CD183192	Nguyễn Duy Hiệp	13/09/1998	5,0	01	Hiệp	
20	CD180222	Bùi Duy Hiếu	05/02/2000	4,0	01	Hiếu	
21	CD180196	Nguyễn Danh Hiếu	21/01/2000	2,0	01	Hiếu	
22	CD181524	Vũ Văn Hiếu	20/01/2000	4,0	01	Hiếu	
23	CD180299	Đỗ Văn Hùng	28/07/2000	4,0	01	Hùng	
24	CD180138	Hoàng Văn Hùng	09/04/1998	4,0	01	Hùng	
25	CD181536	Nguyễn Văn Hùng	07/07/2000	3,0	01	Hùng	
26	CD180286	Nguyễn Văn Long	06/02/2000	3,5	01	Long	
27	CD180125	Vũ Thành Luân	28/12/1999	5,0	01	Luân	
28	CD180526	Phí Văn Lực	21/08/2000	5,0	01	Lực	
29	CD181923	Nguyễn Thị Khánh Ly	17/05/2000	4,0	01	Ly	
30	CD180493	Nguyễn Quang Nam	02/11/2000	4,0	01	Nam	
31	CD181435	Vũ Phương Nam	05/02/1998	5,0	01	Nam	
✓ 32	CD181529	Lê Trọng Phú	02/02/2000	4,0	01	Phú	
33	CD181479	Phạm Minh Phúc	27/09/2000	4,0	01	Phúc	
34	CD180308	Đỗ Hoàng Quân	25/10/2000	6,0	01	Quân	
35	CD181489	Đỗ Văn Quảng	27/01/2000	6,5	01	Quảng	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
36	CD181438	Bùi Trung Sơn	24/08/2000	6,5	01	Sơn	
37	CD181526	Phạm Văn Tân	15/03/2000	3,5	01	Tân	
38	CD180114	Trịnh Đắc Thái	29/09/1999	2,0	01	Thái	
39	CD181503	Nguyễn Đức Thắng	21/08/2000	5,0	01	Thắng	
40	CD180144	Nguyễn Văn Thành	30/09/1997	3,0	01	Thành	
✓41	CD180215	Nguyễn Đăng Tiến	05/02/2000	3,5	01	Tiến	
42	CD181512	Nguyễn Hồng Tiến	07/02/2000	7,0	01	Tiến	
✓43	CD181508	Nguyễn Thanh Tiến	09/11/2000				vắng
44	CD180191	Nguyễn Đạt Trung	14/02/1997	4,5	01	Trung	
45	CD181474	Ngô Tiến Trường	30/11/2000	6,5	01	Trường	
✓46	CD171959	Đặng Minh Tú	04/05/1999				vắng
47	CD182252	Nguyễn Thị Hoài Tú	11/08/2000	4,0	01	Tú	
48	CD173907	Đỗ Xuân Tuấn	22/11/1998				vắng
49	CD180054	Vũ Văn Việt	06/05/1999	6,0	01	Việt	
50	CD181507	Triệu Quang Việt	30/01/2000	5,0	01	Việt	

Tổng số sinh viên dự thi: 44

Số sinh viên đạt:

Tổng số tờ giấy thi: 44

Ngày giáo viên nộp điểm: 31/12/2020

Hạn cuối nộp điểm:

PHÒNG ĐÀO TẠO

Trần Thị Như Trang

Trần Thị Như Trang

CÁN BỘ CHẤM THI

B.Đ. Đình Hồng B.Đ.

CÁN BỘ COI THI 1

Nam
Trần Văn Nam

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Hùng

CHỦ NHIỆM KHOA
PGS. Tăng Huy

CÁN BỘ COI THI 2

Nguyễn Văn Hùng
Lê Mạnh Long